TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2023/DS-PT
Ngày: 06-9-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Lưu Văn Uẩn

Ông Lê Hùng Cường

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 225/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ 4, Ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: 124/1 Đường số 14, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 29-7-2022).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Võ Thị C, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị C - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Ông T và bà C có mặt; ông G vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-7-2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 25-4-2023, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ do ông Nguyễn Văn T đại diện trình bày:

Trước đây, giữa bà Đ với ông G, bà C có thỏa thuận vay tiền, bà Đ đã cho ông G, bà C vay ba lần tiền gồm các khoản: 60.000.000 đồng, 76.000.000 đồng và 72.000.000 đồng, không nhớ thời gian, các lần vay và giao nhận tiền không lập biên bản, không ghi sổ nợ, không có người làm chứng, vay có tính lãi nhưng không xác định rõ lãi suất.

Đến ngày 10 tháng 4 năm 2021 âm lịch, nhằm ngày 21 tháng 5 năm 2021 dương lịch, bà Đ với ông G và bà C chốt lại khoản nợ 60.000.000 đồng, 76.000.000 đồng và 72.000.000 đồng thì ông G và bà C nợ của bà Đ tổng số tiền 208.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ thống nhất như ông G trình bày sau một năm, tức đến ngày 22 tháng 5 năm 2022 ông G và bà C phải trả hết nợ (cả gốc và lãi). Việc thỏa thuận thời hạn trả nợ không ghi vào văn bản, mà hai bên thỏa thuận bằng lời nói, mục đích vay tiền dùng chung cho gia đình của ông G. Trong thời hạn một năm từ ngày 21 tháng 5 năm 2021 đến ngày 21 tháng 5 năm 2022, hai bên không tính lãi suất, bà Đ chỉ yêu cầu ông G và bà C trả nợ gốc 208.000.000 đồng. Hết thời hạn một năm ông G, bà C không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà Đ tiếp tục nhiều lần đến nhà ông G và bà C yêu cầu ông G và bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông G, bà C không thực hiện, hứa khi nào ông G và bà C có tiền sẽ trả cho bà Đ thì bà Đ không đồng ý.

Do ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ nên bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C liên đới trả cho bà Đ số tiền gốc 208.000.000 đồng. Đồng thời, bà Đ còn yêu cầu ông G và bà C tiếp tục trả lãi tính từ ngày 22 tháng 5 năm 2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 0,83%/tháng. Tại phiên tòa ông T cho biết sau khi hết hạn một năm, ông G và bà C trả cho bà Đ được bốn tháng lãi 10.000.000 đồng của bốn tháng liền kề, tức kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2022, mỗi tháng 2.500.000 đồng, trên số tiền gốc 208.000.000 đồng. Ông T đồng ý tính lại lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 10.000.000 đồng mà ông G và bà C đã trả cho bà Đ để trừ vào tiền gốc.

Bị đơn bà Võ Thị C trình bày:

Ngày 01 tháng 7 năm 2017, dương lịch, ông G và bà C có vay của bà Đ số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, mỗi tháng trả lãi 3.000.000 đồng, mục đích vay nuôi tôm, không thỏa thuận thời hạn vay, khi nào có tiền sẽ trả. Ông G và bà C đã trả lãi cho bà Đ từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 đến 01 tháng 7 năm 2020 của

3 năm, cụ thể: Mỗi tháng ông G và bà C đã trả lãi cho bà Đ được số tiền 3.000.000 đồng x 36 tháng = 108.000.000 đồng. Việc ông G và bà C trả lãi cho bà Đ không làm giấy tờ, không người làm chứng nhưng bà Đ có ghi vào sổ của bà Đ để biết. Do dịch bệnh Covid – 19 vợ, chồng bà không đi làm được, không có tiền trả lãi cho bà Đ, hết dịch bà Đ vẫn tính tiền lãi cho vợ, chồng bà mười tháng là 30.000.000 đồng. Do vậy, bà Đ tính 60.000.000 đồng tiền gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi của mười tháng 30.000.000 đồng, trên số tiền gốc 60.000.000 đồng nên bà Đ xác định vợ, chồng bà còn nợ của bà Đ tổng số tiền là 90.000.000 đồng.

Vợ, chồng bà có chơi hụi của bà Đ qua nhiều năm, không nhớ rõ thời gian nào, bà Đ cho bà C hốt hai phần hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, ngày 04 tháng 12 năm 2021, mãn hụi bà Đ có đến nhà vợ, chồng bà chốt hụi thì vợ, chồng bà còn thiếu tiền hụi của bà Đ là 108.000.000 đồng, việc chơi hụi không có lập văn bản, cũng không có người làm chứng. Đồng thời, vợ, chồng bà còn nợ tiền thịt heo của bà Đ là 10.000.000 đồng, không nhớ rõ thời gian nào mua thịt heo và nợ tiền, các bên không có viết văn bản, cũng không có người làm chứng.

Do còn nợ tiền của bà Đ nên ngày 10 tháng 4 năm 2021 âm lịch tức ngày 21 tháng 5 năm 2021 dương lịch, vợ chồng bà với bà Đ có thỏa thuận chốt nợ là vợ, chồng bà còn nợ của bà Đ với tổng số tiền 208.000.000 đồng, bà và ông G có ký tên. Các bên thỏa thuận chốt nợ nhưng không thỏa thuận thời hạn trả nợ, bà Đ chỉ nói cho vợ, chồng bà thời gian trả nợ. Từ đó, cho đến nay mỗi năm khoảng 2, 3 lần bà Đ có nhắc cho vợ, chồng bà trả nợ, lần đầu tiên nhắc trả nợ thời gian nào không nhớ, chỉ nhớ là một năm sau kể từ ngày chốt nợ, tức ngày 10 tháng 4 năm 2021 âm lịch (nhằm ngày 21 tháng 5 năm 2021 dương lịch) đến ngày 21 tháng 5 năm 2022. Vợ, chồng bà hứa trả nợ cho bà Đ nhưng không nói trả thời gian nào trả.

Do hoàn cảnh khó khăn nên vợ, chồng bà đồng ý trả cho bà Đ số tiền nợ hụi là 108.000.000 đồng, cùng với tiền nợ thịt heo là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền mà vợ, chồng bà đồng ý trả cho bà Đ là 118.000.000 đồng. Thời gian và phương thức trả: Mỗi năm trả cho bà Đ số tiền 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Còn 60.000.000 đồng nợ gốc + 30.000.000 đồng tiền lãi, yêu cầu Tòa án xem xét cho vợ, chồng bà không trả cho bà Đ. Do vợ, chồng bà đã trả lãi cho bà Đ nhiều hơn số tiền gốc 60.000.000 đồng mà vợ, chồng đã vay của bà Đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C.

Buộc ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 225.413.783 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01-6-2023, bà Võ Thị C kháng cáo xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi theo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bà C trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: bà C kháng cáo xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ do hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng không được nguyên đơn đồng ý, pháp luật không có quy định việc trả dần nên kháng cáo của bà C không có cơ sở chấp nhận.

Bản án sơ thẩm thẩm chưa khấu trừ số tiền lãi đã trả và nguyên đơn cũng đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã trả là 6.866.860 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Võ Thị C đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà C kháng cáo xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi theo bản án sơ thẩm.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét thấy, trước đây bà Đ có cho ông G, bà C vay tiền nhiều lần nhưng các lần vay và giao nhận tiền không lập biên bản, không ghi sổ nợ và không có người làm chứng. Nhưng bà Đ và ông G, bà C đều thống nhất ngày 10 tháng 4 năm 2021 âm lịch (nhằm ngày 21 tháng 5 năm 2021 dương lịch), ông G và bà C

với bà Đ thỏa thuận chốt nợ là ông G và bà C còn nợ bà Đ tổng cộng với số tiền 208.000.000 đồng và ông G, bà C đồng ý ký tên vào văn bản chốt nợ. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Ông G và bà C thừa nhận còn nợ của bà Đ tổng số tiền 208.000.000 đồng nhưng chỉ đồng ý trả cho bà Đ số tiền 118.000.000 đồng (trong đó 108.000.000 đồng số tiền nợ hụi và 10.000.000 đồng số tiền nợ thịt heo). Số tiền còn lại là 60.000.000 đồng nợ gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi của mười tháng, bà C không đồng ý trả với lý do, số tiền gốc 60.000.000 đồng ông G và bà C đã trả tiền lãi cho bà Đ với lãi suất 5%/tháng, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 đến 01 tháng 7 năm 2020 là 3 năm với số tiền lãi 108.000.000 đồng (3.000.000 đồng/tháng x 36 tháng) nhưng không được bà Đ thừa nhận. Ông G và bà C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận việc bà C và ông G đã trả tiền lãi cho bà Đ với số tiền 108.000.000 đồng.

[5] Tuy việc các bên vay tiền và chốt nợ không thể hiện thời hạn trả, nhưng các bên đã thống nhất như lời trình bày của ông G, là bà Đ cho ông G và bà C nợ tiền số tiền 208.000.000 đồng trong thời hạn một năm kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2021 đến ngày 21 tháng 5 năm 2022. Hết ngày 21 tháng 5 năm 2022, ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Đ. Nhưng đến hạn ông G và bà C không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Bà Đ cho ông G và bà C vay tiền có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên bà Đ yêu cầu ông G và bà C trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nay bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C phải trả tiền nợ gốc và lãi cho bà Đ kể từ ngày 22 tháng 5 năm 2022 đến ngày 24 tháng 5 năm 2023 xét xử sở thẩm là có căn cứ.

[7] Bà Đ do ông T đại diện thừa nhận sau khi hết hạn một năm, ông G và bà C có trả cho bà Đ được bốn tháng lãi là 10.000.000 đồng của bốn tháng liền kề từ ngày 22 tháng 5 năm 2022, đồng ý tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 22 tháng 5 năm 2022 đến ngày 22 tháng 9 năm 2022 để khấu trừ tiền lãi vượt quá quy định vào phần tiền gốc và tính lãi tiếp theo theo mức lãi suất 0,83% /tháng theo quy định của pháp luật cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 225.413.783 đồng, trong đó tiền gốc vay là 204.866.452 đồng và tiền lãi 20.547.331 đồng. Các đương sự không có kháng cáo đối với số tiền gốc vay và tiền lãi theo quyết định của bản án sơ thẩm. Bà C chỉ kháng cáo xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ nhưng bà Đ không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận kháng của bà C.

[9] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi từ số tiến gốc vay ban đầu 207.226.000 đồng là không C xác, vì hai bên đương sự thống nhất số tiền vay ông G và bà C còn thiếu bà Đ là 208.000.000 đồng. Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm khấu trừ số tiền lãi đã trả theo thỏa thuận là 2.500.000 đồng vào số tiền lãi tính

theo quy định của pháp luật với từng tháng để khấu phần lãi thừa vào gốc vay nhưng sau đó lại buộc ông G và bà C phải tiếp tục trả lãi từ ngày 22 tháng 5 năm 2022 đến ngày 22 tháng 9 năm 2022 là không đúng (vì bốn tháng này ông G và bà C đã trả lãi xong và vượt mức lãi suất 0,83%/tháng).

[10] Bà Đ (do ông ông T đại diện) cũng đồng ý tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật và khấu trừ số tiền lãi mà ông G và bà C đã trả cho bà Đ 04 tháng với số tiền 6.866.860 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa khấu trừ, cụ thể như sau: Từ ngày 22 tháng 5 năm 2022, đến 22 tháng 6 năm 2022: 208.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 1 tháng = 1.726.400 đồng, đã trả lãi 2.500.000 đồng, còn thừa 773.600 đồng được trừ vào vốn nên vốn vay còn lại là 207.226.400 đồng; từ ngày 22 tháng 6 năm 2022, đến 22 tháng 7 năm 2022: 207.226.400 đồng x 0,83%/tháng x 1 tháng = 1.719.979 đồng, đã trả lãi 2.500.000 đồng, còn thừa 780.021 đồng được trừ vào vốn nên vốn vay còn lại là 206.446.379 đồng; từ ngày 22 tháng 7 năm 2022, đến 22 tháng 8 năm 2022: 206.446.379 đồng x 0,83%/tháng x 1 tháng = 1.713.504 đồng, đã trả lãi 2.500.000 đồng, còn thừa 786.496 đồng được trừ vào vốn nên vốn vay còn lại là 205.659.883 đồng; từ ngày 22 tháng 8 năm 2022, đến 22 tháng 9 năm 2022: 205.659.883 đồng x 0,83%/tháng x 1 tháng = 1.706.977 đồng, đã trả lãi 2.500.000 đồng, còn thừa 793.023 đồng được trừ vào vốn nên vốn vay còn lại là 204.866.860 đồng;

[11] Tổng số tiền lãi ông G và bà C đã trả cho bà Đ từ ngày 22 tháng 5 năm 2022 đến 22 tháng 9 năm 2022 là 6.866.860 đồng (1.726.400 đồng +1.719.979 đồng + 1.713.504 đồng + 1.706.977 đồng) và tiền gốc vay 3.133.140 đồng (773.600 đồng + 780.021 đồng + 786.496 đồng + 793.023 đồng) nên tiền gốc vay còn lại là 204.866.860 đồng.

[12] Lãi đối với số tiền gốc 204.866.860 đồng tính từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 24 tháng 5 năm 2023: 204.866.860 đồng x 0,83%/tháng x 8 tháng 02 ngày = 13.716.519 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 218.583.379 đồng (vốn vay 204.866.860 đồng, tiền lãi 13.716.519 đồng) nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 218.583.379 đồng, trong đó vốn vay 204.866.860 đồng, tiền lãi 13.716.519 đồng.

[13] Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu ông G và bà C liên đới trả nợ, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhưng không tuyên trách nhiệm liên đới là thiếu sót; Bản án tuyên nghĩa vụ chậm trả tiền phải chịu lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong là không đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Bởi lẽ, trong vụ án này các bên không có thỏa thuận nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng thì phải trả lãi, nên cần sửa lại cho đúng. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[14] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà C, sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C phải liên đới chịu 10.929.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[16] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa một phần bản án không liên quan đến kháng cáo nên bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị C;

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 57/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 288, 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C.

Buộc ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 218.583.379 đồng (trong đó gốc vay 204.866.860 đồng, tiền lãi 13.716.519 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị C phải liên đới chịu 10.929.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 5.562.000 đồng, mà bà Đ đã nộp tạm ứng án theo biên lai thu số 0011675 ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm án phí phúc thẩm theo biên lai số 0012160 ngày 01-6-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Giuộc để thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thu